TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 7- 2023
Về việc "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Hồng Nhân
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Thạch Thanh Sơn
2. Ông Nguyễn Văn Triệu

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hậu, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án thụ lý số: 452/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 về việc *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Kim Thị G, sinh năm 1996

Địa chỉ: ấp NH, xã TN, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

Bà Kim Thị G có mặt tại điểm cầu trực tuyến số 02: Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Ông Sơn KR, sinh năm 1990 (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn CT, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/4/2023, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Kim Thị G trình bày*: Vào năm 2018, bà với ông Sơn KR có kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành. Quá trình sống chung có 02 người con chung tên Sơn BL, sinh ngày 02/12/2018 và Sơn BT,

sinh ngày 31/7/2020. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Sau khi kết hôn 02 vợ chồng sống chung nhưng không có hạnh phúc thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Bà và gia đình chồng không có hòa thuận với nhau. Tình cảm cha chồng nàng dâu chưa được tốt. Ông Rinh không bênh vực mà luôn nghe theo gia đình. Điều đó làm mâu thuẫn gia đình càng trầm trọng. Khi bà yêu cầu chồng bà phân định đúng sai thì chồng bà lại dùng những lời lẽ xúc phạm bà và đuổi bà ra khỏi nhà. Bà bỏ về nhà cha mẹ ruột từ giữa năm 2022 đến nay. Về con chung: hiện tại hai người con đang sống với ông Sơn KR. Bà thống nhất giao 02 người con cho ông Sơn KR nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 6 năm 2023, ông Sơn KR là bị đơn trình bày: Ông với bà Kim Thị G có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn CT, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Quá trình sống chung có 02 người con chung tên Sơn BL, sinh ngày 02/12/2018 và Sơn BT, sinh ngày 31/7/2020. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bà Kim Thị G thường xuyên nhắn tin với người khác. Nhiều lần ông phát hiện nhưng bà G không nói là ai nên vợ chồng cự cãi nhau. Do nóng giận nên ông có đánh bà G, từ đó bà G bỏ về nhà cha mẹ ruột từ giữa năm 2022 cho đến nay.

Nay bà G yêu cầu ly hôn, ông đồng ý, ông yêu cầu nuôi dưỡng 02 người con chung, không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự thực hiện theo các quy định tại các Điều 48, 68, 70, 71, 72, 97, 177, 196, 203, 205, 208, 209, 210, 211, 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nội dung vụ án: Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị G. Cho bà Kim Thị G được ly hôn với ông Sơn KR, giao 02 người con chung tên Sơn BL, sinh ngày 02/12/2018 và Sơn BT, sinh ngày 31/7/2020 cho ông Sơn KR nuôi dưỡng, bà Kim Thị G không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết. Bà Kim Thị G có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật của vụ án: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con", bị đơn ông Sơn KR có nơi cư trú tại khóm 4, thị trấn CT, huyện C, tỉnh Trà Vinh, căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy, bà Kim Thị G và ông Sơn KR tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn CT, huyện C, tỉnh Trà Vinh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống với nhau giữa bà Kim Thị G và ông Sơn KR phát sinh mâu thuẫn. Theo lời trình bày của bà Kim Thị G, sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống không có hạnh phúc do mâu thuẫn giữa bà với gia đình ông KR. Ông KR không phân định đúng sai mà chỉ nghe lời gia đình. Từ năm 2022, do không chịu nổi cuộc sống bên gia đình ông Rinh nên bà đã bỏ về nhà cha mẹ ruột tại huyện Tiểu Cần sinh sống cho đến nay.

Đối với ông Sơn KR, kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án và tiến hành hòa giải, Tòa án triệu tập ông KR tham gia hòa giải nhưng ông KR vẫn vắng mặt. Điều này cho thấy ông KR không có thiện chí đoàn tụ gia đình với bà G. Tại biên bản lấy lời khai, ông KR cũng xác nhận quá trình sống chung giữa ông và bà G phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được và ông cũng thống nhất ly hôn với bà G. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng của bà G và ông KR không còn yêu thương nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cho bà Kim Thị G và ông Sơn KR ly hôn là có cơ sở.

[4] Về con chung: 02 người con chung tên Sơn BL, sinh ngày 02/12/2018 và Sơn BT, sinh ngày 31/7/2020. Hiện tại 02 người con chung đang sống chung với ông Sơn KR phát triển đầy đủ về tinh thần và thể chất, bà G cũng thống nhất giao con cho ông R nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử giao 02 người con chung cho ông KR tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Sơn KR không yêu cầu bà Kim Thị G cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Kim Thị G và ông Sơn KR không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí: Bà Kim Thị G chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51; 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Kim Thị G. Cho bà Kim Thị G được ly hôn với ông Sơn KR.

Con chung: Giao 02 người con chung tên Sơn BL, sinh ngày 02/12/2018 và Sơn BT, sinh ngày 31/7/2020 cho ông Sơn KR nuôi dưỡng. Ông Sơn KR không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Sơn KR có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Kim Thị G và ông Sơn KR không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà Kim Thị G chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà G đã nộp theo biên lai số 0016584 ngày 11/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, bà Kim Thị G không phải nộp thêm. Ông Sơn KR không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự có mặt tại phiên toà (điểm cầu trực tuyến số 02) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Thạch Thanh Sơn – Nguyễn Văn Triệu **Sơn Thị Hồng Nhân**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Châu Thành;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Sơn Thị Hồng Nhân